

Bản án số: 116/2026/HS-PT

Ngày 15 - 4 - 2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thành;

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:***  
Ông Triệu A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026; do có kháng cáo của bị cáo **Thòng Văn P**, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST ngày 09-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai;

***- Bị cáo có kháng cáo:*** **Thòng Văn P**, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2005 tại tỉnh Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075205014718; nơi đăng ký thường trú: **Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Thòng A C** và bà **TSần A V**; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 07/6/2025, bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 - **Công an tỉnh Đ**; có mặt tại phiên tòa.

***- Người bào chữa cho bị cáo **Thòng Văn P**:***

1. Ông **Nguyễn Ngọc P1** và ông **Hoàng Văn T**, Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; nơi làm việc: Văn phòng Luật sư **Nguyễn Ngọc P1**; địa chỉ: **Số C, đường N, ấp H, xã Đ, tỉnh Đồng Nai**; ông **T** có mặt tại phiên tòa;

2. Ông **Lê Việt D** và bà **Võ Thị H**, Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**; nơi làm việc: **Công ty L1**; địa chỉ: **Tầng trệt, Số H, Đường A, khu N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh**; bà **H** có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có bị hại và những người tham gia tố tụng khác, không có kháng cáo, không có kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **1. Nội dung chính:**

Quá trình sinh sống cùng gia đình, **Thòng Văn P** biết cha mẹ ruột là bà **T1 A V** và ông **Thòng A C** cất vàng (nhẫn, dây chuyền) ở trong 01 cái giỏ, để trong tủ quần áo ở phòng của vợ chồng bà **V**. Vào khoảng giữa tháng 5/2025, **P** tham gia chơi đánh bạc trực tuyến thắng thua bằng tiền thông qua trang mạng xã hội. Để có tiền đánh bạc, **P** nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà **V** và ông **C**. Từ ngày 26/5/2025 đến ngày 05/6/2025, lợi dụng những lúc bà **V** ngủ ở võng ngoài phòng khách, **P** đã 08 lần lén lút đi vào phòng bà **V** (phòng không khóa cửa), dùng tay đưa vào khe hở của cánh cửa tủ (tủ bằng sắt, cánh cửa đã bị hư cong vênh từ trước) lục trong giỏ xách lấy trộm 39 nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng, tương đương 81 chỉ vàng 24K và 2,01 chỉ vàng 98%; cụ thể: Sáng ngày 26/5/2025, **P** lấy trộm 05 nhẫn vàng loại 02 chỉ; chiều ngày 27/5/2025, **P** lấy trộm 10 nhẫn vàng loại 02 chỉ; chiều ngày 28/5/2025, **P** lấy trộm 05 nhẫn vàng loại 02 chỉ; chiều ngày 29/5/2025, **P** lấy trộm 10 nhẫn vàng loại 02 chỉ; chiều ngày 01/6/2025, **P** lấy trộm 01 nhẫn vàng loại 03 chỉ; chiều ngày 02/6/2025, **P** lấy trộm 04 nhẫn vàng loại 01 chỉ và 02 nhẫn vàng loại 02 chỉ; chiều ngày 03/6/2025, **P** lấy trộm 02 nhẫn vàng loại 03 chỉ; chiều ngày 05/6/2025, **P** lấy trộm 01 dây chuyền vàng trọng lượng 2,01 chỉ. Sau khi lấy trộm số tài sản nêu trên, **P** mang đến bán tại tiệm vàng “**T**” và **tiệm V1**”, thuộc **xã P, tỉnh Đồng Nai**. Ngày 07/6/2025, ông **Thòng A C** đến Công an trình báo sự việc gia đình bị trộm cắp tài sản; cùng ngày, **Thòng Văn P** đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Căn cứ bảng kê mua bán vàng của các **tiệm V1 và T L** cùng lời khai nhận tội của **P**, xác định số tiền **P** bán vàng do lấy trộm của vợ chồng bà **V** là 853.303.000 đồng. Số tiền này **P** đã tiêu xài hết, gồm:

- **P** đã dùng 150.000.000 đồng để trả nợ cá nhân cho một người bạn quen biết xã hội tên thường gọi là Tí nhà ở khu vực **xã P, tỉnh Đồng Nai**. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và Thông báo truy tìm nhưng chưa có kết quả.

- Đối với số tiền còn lại khoảng 703.303.000 đồng, **P** đã nạp tiền vào tài khoản đánh bạc trực tuyến và thua hết. Để thực hiện hành vi đánh bạc, **P** sử dụng

điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 11 màu đen (không rõ Imel) để sử dụng làm công cụ đánh bạc trực tuyến qua mạng xã hội, bằng cách truy cập đường link trên ứng dụng Google tại trang Web:vn6vip6692.com, sau khi đăng nhập, ứng dụng gửi cho P số tài khoản để P nạp tiền vào và tạo, đăng ký tài khoản đánh bạc tên "vanphuc020520025" có ID: 23528863, để tham gia đánh bạc. P đánh bạc là loại bài Baccarat, mỗi lần đánh bạc P đặt cược từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/01 lần, quá trình chơi có ván thắng ván thua. Để tham gia đánh bạc, P phải nạp tiền vào tài khoản ngân hàng, qua đó người quản lý trò chơi trên ứng dụng (không rõ lai lịch) gửi cho P số tài khoản ngân hàng trên ứng dụng; sau đó, P đến cửa hàng V2, để chuyển tiền vào số tài khoản ngân hàng, để quy đổi thành điểm chơi. Sau mỗi lần chuyển tiền xong, do sợ bị Công an phát hiện, P đã xóa mọi tin nhắn liên quan việc chuyển tiền, P không nhớ được số tài khoản ngân hàng đã chuyển tiền; trong điện thoại của P cũng không còn lưu trữ (điện thoại P đã bán lại cho T2 với số tiền 3.000.000 đồng, chưa thu hồi được). Tài khoản "vanphuc020520025" của P do hiện tại đã thua hết tiền không tiếp tục nạp tiền nên hệ thống tự động khóa, không thể đăng nhập được. Tiến hành xác minh giao dịch tại chi nhánh C1, cho biết: Không xác định được trong thời gian từ ngày 26/5/2025 đến ngày 07/6/2025, Thông Văn P đến cửa hàng thực hiện giao dịch chuyển tiền. Quy trình thực hiện chuyển tiền nhanh cửa hàng cũng không yêu cầu khách hàng cung cấp Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, nên không xác định được giao dịch chuyển tiền cụ thể của khách hàng. Vì lý do bảo mật thông tin khách hàng và không xác định được thông tin cụ thể khách hàng thực hiện giao dịch nên cửa hàng V2 từ chối cung cấp số tài khoản ngân hàng của khách hàng thực hiện giao dịch.

## **2. Vật chứng vụ án:**

20 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình Long 99.0% loại 02 chỉ; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, có ký hiệu riêng của tiệm V1, tên kiểu thường gọi là "Dây mè", trọng lượng 2.01 chỉ; 03 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình Long 99.0% loại 01 chỉ; 01 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình 99.0% loại 01 chỉ; 12 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình Long 99.0% loại 02 chỉ; 01 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình Long 99.0% loại 03 chỉ; 02 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình L 99.0% loại 05 chỉ. Tổng số tài sản là 83,01 chỉ, tất cả đều là kim loại màu vàng 24K, 01 dây chuyền là kim loại màu vàng 98%.

## **3. Kết luận giám định - định giá:**

3.1. Tại Bản kết luận giám định ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai, xác định:

Đối với mẫu vật trong phong bì ký hiệu A, gồm: 01 dây chuyền kim loại màu vàng (kiểu thường gọi Dây Mè) có ký hiệu **tiệm V1**; 20 nhẫn kim loại màu vàng có ký hiệu **Thanh Bình L** 99.0% loại 02 chỉ.

Đối với mẫu vật trong phong bì ký hiệu B, gồm: 03 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình Long 99.0% loại 01 chỉ; 01 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình 99.0% loại 01 chỉ; 12 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu Thanh Bình Long 99.0% loại 02 chỉ; 01 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu **Thanh Bình L** 99.0% loại 03 chỉ và 02 nhẫn kim loại màu vàng, có ký hiệu **Thanh Bình L** 99.0% loại 05 chỉ.

Hàm lượng vàng của mẫu vật; Khối lượng mẫu vật và **S** phiếu kết quả thử nghiệm của từng mẫu vật nêu trên được nêu cụ thể tại nội dung Bản kết luận giám định.

3.2. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện Đ**, xác định: Tổng 39 nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng của bà **Tsần A V** và ông **T3 A C** bị lấy trộm có trị giá là: 852.973.100 đồng.

#### 4. Trách nhiệm dân sự:

Ngày 26/9/2025, nhận thấy chủ 02 cơ sở kinh doanh mua bán vàng không biết tài sản **P** trộm cắp của gia đình mà có nên ông **C** - bà **V** đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho **P** bằng cách trao trả lại toàn bộ số lượng vàng trên cho 02 chủ tiệm vàng. Sau khi nhận lại tài sản, các chủ tiệm vàng có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với **P**. Các bị hại là bà **Tsần A V** và ông **Thông A C** không yêu cầu bồi thường gì thêm.

#### 5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST ngày 09-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo **Thông Văn P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo **Thông Văn P** 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2025.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

#### **6. Kháng cáo:**

Bị cáo **Thông Văn P** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

#### **7. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:**

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo bị cáo **Thông Văn P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **8. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm:**

Về tội danh và khung hình phạt thống nhất như bản án sơ thẩm đã xác định. Về hình phạt: Bị cáo phạm tội khi tuổi đời còn rất trẻ nên suy nghĩ rất bông bột, nhận thức còn hạn chế; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo phải nuôi dưỡng cha mẹ già, 02 cháu nhỏ và em ruột bị bệnh tâm thần. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng dưới khung hình phạt và xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Thông Văn P** đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm xác định: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc và tự nguyện ra đầu thú; tài sản đã thu hồi cho bị hại; tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại trình bày đã nhận bồi thường từ bị cáo và xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo; áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Không có tình tiết mới.

### 2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, xác định tội danh đúng và hình phạt phù hợp; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Thòng Văn P**, để bảo đảm cho công tác thi hành án.

#### [3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

#### [4] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên.

[5] Người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, để quyết định dưới khung hình phạt cho bị cáo là không phù hợp với hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; do đó, đề nghị này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1, 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Thòng Văn P**.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST ngày 09-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai.

### 1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Thòng Văn P** 12 (mười hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2025.

### 2. Về biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Thòng Văn P** theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

**3.** Về án phí: Bị cáo **Thòng Văn P** phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại (địa chỉ theo hồ sơ);
- Trại Tạm giam số 1;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 7;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (PC02);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân và Công an xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng <sup>(15)</sup>.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Thanh**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thành - Đinh Thị Kiều Lương**

**Nguyễn Thị Tuyết Thanh**

